

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn chuyên môn
về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dân số tại Phiếu trình số 323/PTr-CDS ngày 29 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

Điều 3. Trong trường hợp các văn bản tham chiếu trong văn bản này có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Dân số; Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng cơ quan Y tế các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, CDS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Xuân Tuyên

BỘ Y TẾ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**HƯỚNG DẪN****Chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT
ngày tháng năm 2025 của Bộ Y tế)***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Mục đích**

Tư vấn và khám sức khỏe cho nam, nữ trước khi kết hôn, đặc biệt là vị thành niên từ 17 đến 18 tuổi, thanh niên để phát hiện, phòng ngừa và hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe khi kết hôn, mang thai, sinh đẻ, nuôi con, các nguy cơ sinh con bị bệnh, tật bẩm sinh, góp phần đảm bảo hôn nhân bền vững và nâng cao chất lượng dân số.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn để các cơ quan, người cung cấp dịch vụ căn cứ hướng dẫn tổ chức thực hiện về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với:

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện các hoạt động liên quan đến tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn;

- Người cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn;

- Đối tượng được tư vấn trước khi kết hôn bao gồm: vị thành niên; nam, nữ trước khi kết hôn; phụ nữ trước khi có thai;

- Đối tượng được tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn bao gồm: vị thành niên từ 17 đến 18 tuổi; nam, nữ trước khi kết hôn; phụ nữ trước khi có thai.

Điều 3. Một số khái niệm và giải thích từ ngữ

1. Vị thành niên (VTN) là những người trong độ tuổi từ 10 đến 18 và thường được chia ra làm 3 giai đoạn: VTN sớm (10-13 tuổi), VTN giữa (14-16 tuổi), VTN muộn (17-18 tuổi).

2. Tình dục an toàn là chỉ việc sử dụng các biện pháp giúp tránh thai an toàn, hiệu quả và phòng lây truyền HIV và các bệnh nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục.

3. Bệnh di truyền là bệnh gây ra do bất thường về gen, nhiễm sắc thể. Những bất thường đó có thể do cha, mẹ truyền cho hoặc là những đột biến mới phát sinh

trong quá trình hình thành tế bào noãn, tinh trùng hoặc hợp tử (theo Tổ chức Y tế Thế giới định nghĩa).

4. Bệnh, tật bẩm sinh là bệnh hoặc tật của trẻ xuất hiện ngay từ khi đứa trẻ ra đời (có thể do di truyền hoặc không do di truyền) (theo Tổ chức Y tế Thế giới định nghĩa).

5. Khách hàng (trong hướng dẫn này) là cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

Chương II

HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN VỀ TƯ VẤN SỨC KHỎE TRƯỚC KHI KẾT HÔN

Điều 4. Nguyên tắc chung về tư vấn

1. Những nguyên tắc chung về tư vấn

- Tôn trọng khách hàng và đáp ứng nhu cầu, mong muốn của khách hàng.
- Giữ bí mật, không tiết lộ thông tin về khách hàng nếu chưa được khách hàng đồng ý.
- Tuân thủ quy trình tư vấn và sử dụng thành thạo các kỹ năng tư vấn.
- Việc tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn đối với người chưa đủ 16 tuổi chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý và tham gia của cha, mẹ hoặc người đại diện theo pháp luật nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp và sự an toàn của người được tư vấn.

2. Yêu cầu của người tư vấn

2.1. Đối với tư vấn tại cộng đồng

Người tư vấn là nhân viên y tế và cộng tác viên, cần được đào tạo, tập huấn về phương pháp, kỹ năng tư vấn và nội dung tư vấn phù hợp để vận động đối tượng cần được tư vấn trước khi kết hôn đi khám trước khi kết hôn và tư vấn về những nội dung cơ bản chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2.2. Đối với tư vấn tại các cơ sở y tế

Người tư vấn là cán bộ chuyên môn y khoa, cần được đào tạo, tập huấn về phương pháp, kỹ năng và nội dung tư vấn phù hợp để thực hiện trước, trong và sau khi khám sức khỏe, bao gồm cả tư vấn trước và sau xét nghiệm.

Điều 5. Các bước thực hiện tư vấn

1. Tư vấn đi khám sức khỏe trước khi kết hôn tại cộng đồng

1.1. Tư vấn để vận động nam, nữ trước khi kết hôn đến cơ sở y tế khám sức khỏe trước khi kết hôn do nhân viên y tế, cộng tác viên dân số thực hiện tại điểm cung cấp dịch vụ (trạm y tế xã, phường; phòng y tế các cơ quan doanh nghiệp...). Nội dung tư vấn trọng tâm vào sự cần thiết khám sức khỏe trước khi kết hôn để phát hiện những bất thường và các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe

của đôi vợ chồng cũng như của con cái họ, được hướng dẫn can thiệp sớm hoặc điều trị sớm.

1.2. Các bước thực hiện tư vấn

(1) Bước 1: Gặp gỡ

- Người tư vấn chào hỏi thân thiện, nhiệt tình, mời khách hàng ngồi.
- Tự giới thiệu về mình.
- Trò chuyện tạo sự thoải mái, tin cậy.

(2) Bước 2: Gọi hỏi

- Gọi hỏi nhu cầu, mong muốn, lý do cần tư vấn. Tìm hiểu những nhu cầu về sức khỏe sinh sản hiện tại và kế hoạch sinh con sắp tới.
- Gọi hỏi các thông tin có liên quan đến các vấn đề cần được tư vấn (gia đình, điều kiện sống, bệnh sử, những lo lắng và hiểu biết của đối tượng...).
- Nên sử dụng câu hỏi mở, chú ý lắng nghe, quan sát.

(3) Bước 3: Giới thiệu

- Người tư vấn cung cấp những thông tin chính xác, phù hợp và cần thiết (cả mặt tích cực và tiêu cực, cả các yếu tố thuận lợi và không thuận lợi).
- Sử dụng các phương tiện thông tin, giáo dục truyền thông phù hợp.

(4) Bước 4: Giúp đỡ.

- Người tư vấn giúp đối tượng hiểu được thực chất vấn đề của họ để giúp họ lựa chọn quyết định phù hợp.
- Hướng dẫn cụ thể giúp đối tượng biết phải làm gì để tự giải quyết vấn đề của mình.
- Người tư vấn không áp đặt cách giải quyết cho đối tượng.

(5) Bước 5: Giải thích.

- Người tư vấn giải thích những gì đối tượng còn thắc mắc hoặc hiểu chưa đúng.
- Cung cấp tài liệu hướng dẫn có liên quan đến vấn đề của họ.

(6) Bước 6: Gặp lại.

Hẹn gặp lại đối tượng khi có nhu cầu để được tiếp tục tư vấn hoặc được giới thiệu đến cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe trước khi kết hôn. Bước 1 và bước 6 thực hiện vào đầu và cuối của buổi tư vấn, các bước khác được tiến hành xen kẽ nhau, không nhất thiết theo thứ tự hết bước này mới chuyển sang bước khác. Người tư vấn sử dụng đầy đủ và linh hoạt các kỹ năng giao tiếp hiệu quả (hỏi, lắng nghe, quan sát, trình bày bằng lời và ngôn ngữ không lời, động viên

khuyến khích) để thấu hiểu được suy nghĩ, hành động của đối tượng, từ đó cung cấp thông tin, giải thích và giúp đỡ thiết thực nhất cho đối tượng.

2. Tư vấn kết hợp khám sức khỏe

2.1. Tư vấn kết hợp khám tại cơ sở y tế do nhân viên y tế thực hiện cùng với việc cung cấp dịch vụ khám sức khỏe, bao gồm tư vấn trước, trong và sau khi khám sức khỏe cho nam, nữ trước khi kết hôn. Tùy theo tình trạng sức khỏe của đối tượng, các nội dung tư vấn gồm thông tin, giải thích về tình trạng sức khỏe; phương pháp, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; được hướng dẫn cách tự theo dõi, chăm sóc, phòng ngừa tai biến. Trường hợp cần phải khám chuyên khoa, nhân viên y tế sẽ tư vấn nội dung chuyên khoa sâu tùy thuộc vào tình trạng bệnh tật cụ thể và theo hướng dẫn chuyên môn của mỗi chuyên khoa, bao gồm tư vấn trước xét nghiệm, tư vấn sau xét nghiệm, tư vấn lựa chọn phương án giải quyết và phương pháp điều trị phù hợp. Hồ sơ tư vấn cần được lưu trữ và sử dụng cho các buổi tiếp theo đối với từng nam, nữ trước khi kết hôn.

2.2. Các bước thực hiện tư vấn

(1) Bước 1: Tư vấn trước và trong khi khám

Người tư vấn thực hiện tư vấn trước và trong khi khám, bao gồm cả tư vấn xét nghiệm, để cung cấp thông tin, giải thích, hướng dẫn thực hiện các kỹ thuật thăm khám, các vấn đề cần phát hiện.

(2) Bước 2: Tư vấn sau khi khám

- Trường hợp kết quả bình thường, người tư vấn thông báo kết quả khám sức khỏe cho nam, nữ trước khi kết hôn để khách hàng có thể yên tâm kết hôn, sinh con.
- Với các khách hàng phát hiện bệnh hoặc nghi ngờ, cần thực hiện tư vấn sau khi khám.

+ Trường hợp nghi ngờ: tư vấn cho khách hàng sự cần thiết tiếp tục làm xét nghiệm chẩn đoán xác định.

+ Trường hợp có kết quả xét nghiệm nghi ngờ có bệnh lý, có nguy cơ cao mang gen thì tư vấn khám chuyên khoa sâu.

+ Trường hợp có chẩn đoán xác định: tư vấn về điều trị và phòng tránh hậu quả của bệnh đối với sức khỏe của người có bệnh và nguy cơ hoặc hậu quả đối với con của họ.

(3) Bước 3: Lắng nghe ý kiến của khách hàng tư vấn. Hỏi và lắng nghe khách hàng trình bày để chắc chắn rằng khách hàng hiểu về bệnh, tật của mình có liên quan đến hôn nhân, sinh con như thế nào.

(4) Bước 4: Trao đổi giúp cho khách hàng tự quyết định giải pháp phù hợp với mình.

- Trường hợp có bệnh, tật thì tư vấn về điều trị để đảm bảo hôn nhân bền vững. Dùng những lời nói và ngôn ngữ không lời để động viên, khuyến khích khách hàng sử dụng phương pháp điều trị cần thiết. Giải thích và giúp đỡ lựa chọn phương pháp phù hợp với điều kiện của khách hàng.

- Trường hợp đặc biệt (nam, nữ mang gen bệnh lý; một hoặc cả hai người đều nhiễm HIV,...) cần giải thích cho khách hàng biết về nguy cơ sinh ra con bị bệnh, tật nếu muốn có con và những cách phòng tránh (nếu có thể).

(5) Bước 5: Giới thiệu với khách hàng các cơ sở dịch vụ chuyên khoa sẵn có tại địa phương và các cơ sở dịch vụ khác có liên quan để được chẩn đoán, điều trị phù hợp.

(6) Bước 6: Hẹn gặp lại khi cần thiết.

Điều 6. Các nội dung cần tư vấn

Tùy từng tình trạng và vấn đề cụ thể của đối tượng mà tiến hành một hoặc nhiều nội dung tư vấn được liệt kê dưới đây.

1. Các nội dung tư vấn cho vị thành niên và thanh niên (VTN/TN) do nhân viên y tế, cộng tác viên thực hiện tại cộng đồng

1.1. Tư vấn về sức khỏe sinh sản VTN/TN

- Giúp VTN/TN biết cách nhận biết những tình cảm của bản thân và học cách tự kiểm soát.

- Giúp VTN/TN nhận biết những trải nghiệm trong quá khứ, những tác động đến hành vi hiện tại.

- Chuẩn bị cho VTN/TN hướng đến những thay đổi và ra quyết định tích cực trong cuộc sống.

- Khẳng định các quyền khách hàng của VTN/TN.

- Tư vấn về tiết dục âm đạo hoặc niệu đạo ở tuổi VTN/TN, mộng tinh, thủ dâm, lạm dụng tình dục, lạm dụng chất gây nghiện.

1.2. Tư vấn những đặc điểm giải phẫu, tâm sinh lý trong thời kỳ VTN/TN

- Những thay đổi về giải phẫu và sinh lý trong thời kỳ VTN/TN.

- Những biến đổi về tâm lý trong thời kỳ VTN/TN: tùy theo từng giai đoạn phát triển của thời kỳ VTN mà có những biến đổi về tâm lý khác nhau.

- Những mong muốn của VTN/TN về sức khỏe/sức khỏe sinh sản/sức khỏe tình dục (SK/SKSS/SKTD).

- Những quyền của VTN/TN về SK/SKSS/SKTD.

- Những rào cản khiến VTN/TN khó thực hiện mong muốn và quyền trong lĩnh vực SKSS/SKTD.

1.3. Tư vấn và những kỹ năng sống liên quan đến SKSS/SKTD của VTN/TN

- Những kỹ năng sống cần cho sự phát triển về sức khỏe của VTN/TN: kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng kiên định, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng từ chối.

- Những việc cần làm để hỗ trợ kỹ năng sống cho VTN/TN.

1.4. Tư vấn tình dục an toàn và đồng thuận

- Khái niệm về tình dục an toàn, tình dục đồng thuận.

- Lợi ích của việc thực hành tình dục có bảo vệ, an toàn và đồng thuận.

- Những hậu quả gặp phải nếu không thực hành tình dục an toàn.

- Khuyến khích VTN/TN có lối sống biết kiểm chế, kiêng quan hệ tình dục có xâm nhập, tập trung học tập, lao động, thể thao.

- Trong trường hợp VTN/TN đã có quan hệ tình dục, cần tư vấn để lựa chọn biện pháp an toàn, đáng tin cậy, phù hợp. Tư vấn sàng lọc xem VTN/TN có vấn đề liên quan tới bạo hành, lạm dụng tình dục, sử dụng chất gây nghiện hay không.

- Giải thích những điều VTN/TN thường hay hiểu lầm về tình dục an toàn.

1.5. Tư vấn về mang thai ở tuổi VTN

- Các yếu tố dẫn đến mang thai ngoài ý muốn ở VTN.

- Những nguy cơ có thể gặp khi mang thai ở tuổi VTN gồm có nguy cơ khi tiếp tục giữ thai và sinh đẻ, nguy cơ khi phá thai ở tuổi VTN.

- Tư vấn về mang thai đối với VTN quyết định chấm dứt thai kỳ gồm tư vấn trước phá thai, tư vấn sau phá thai.

- Tư vấn đối với VTN tiếp tục mang thai và sinh đẻ: hướng dẫn VTN đến cơ sở y tế có dịch vụ chăm sóc thai nghén, cách phát hiện sớm dấu hiệu bất thường, chế độ dinh dưỡng hợp lý.

1.6. Tư vấn bản dạng giới và xu hướng tính dục

- Kiến thức liên quan đến giới tính và tính dục.

- Một số vấn đề sức khỏe thường gặp ở người LGBTIQ⁺ (Đồng tính luyến ái nữ - Lesbian; Đồng tính luyến ái nam - Gay; Song tính luyến ái - Bisexual; Chuyển giới - Transgender; Liên giới tính - Intersex; Nhóm xu hướng tính dục và bản dạng giới khác biệt hoặc không nhận định mình theo bất kỳ nhãn nào - Queer ...).

- Những nội dung cần thiết khi tư vấn bản dạng giới và xu hướng tính dục.

2. Các nội dung tư vấn cho vị thành niên từ 17 đến 18 tuổi và thanh niên do cán bộ chuyên môn y khoa tại các cơ sở y tế

2.1. Tư vấn về nhiễm khuẩn đường sinh sản (NKĐSS) và nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (NKLTQĐTD) và một số bệnh có liên quan đến sinh sản của nam, nữ trước khi kết hôn; bệnh mắc phải ở trẻ sơ sinh

- Khái niệm, phân loại nhiễm khuẩn đường sinh sản gồm các NKLTQĐTD như bệnh lậu, chlamydia, giang mai, trichomonas, herpes, sùi mào gà sinh dục, viêm gan B, HIV/AIDS...; nhiễm khuẩn nội sinh, nhiễm khuẩn y sinh.

- Các hội chứng NKLTQĐTD/NKĐSS thông thường.

- Các hậu quả của NKLTQĐTD đối với nam, nữ trước khi kết hôn, đặc biệt là trong trường hợp không được điều trị đúng và đủ.

- Cách phòng tránh, điều trị NKLTQĐTD/NKĐSS.

- Một số bệnh trước khi kết hôn có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản, gây vô sinh (quai bị, viêm nhiễm gây tổn thương đường sinh sản...), cách dự phòng và điều trị.

- Nguy cơ mắc bệnh, tật ở trẻ do mẹ mắc một số bệnh trong thời kỳ mang thai (coxsackie, cúm, rubella...).

- Cách phòng một số bệnh mắc phải cho trẻ bằng biện pháp tiêm vaccine cho phụ nữ phòng bệnh trước khi mang thai (rubella, cúm, sởi...).

2.2. Tư vấn về các biện pháp tránh thai

- Chỉ định, chống chỉ định, cách sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại (bao cao su, viên uống tránh thai kết hợp viên uống tránh thai chỉ có progestin, thuốc tránh thai khẩn cấp, dụng cụ tránh thai tử cung, thuốc tiêm và thuốc cấy tránh thai); biện pháp tránh thai tự nhiên (tính vòng kinh, xuất tinh ngoài âm đạo)...

- Ưu điểm, nhược điểm của từng biện pháp tránh thai.

- Những vấn đề hay gặp phải khi sử dụng từng biện pháp tránh thai.

2.3. Tư vấn về làm mẹ an toàn và chăm sóc sơ sinh

- Những dấu hiệu và triệu chứng của người phụ nữ khi mới mang thai, trong thời kỳ mang thai, thời kỳ sinh em bé.

- Những lợi ích của việc đi khám thai, quản lý thai nghén, sinh con an toàn tại các cơ sở y tế.

- Vai trò của dinh dưỡng đầy đủ và hợp lý, bổ sung vi chất cho phụ nữ trước khi mang thai, cho phụ nữ mang thai và cho trẻ sơ sinh.

- Những kiến thức và thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ trước khi mang thai, phụ nữ mang thai, bà mẹ trong và sau khi sinh.

- Những kiến thức và thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ sơ sinh, nuôi con bằng sữa mẹ, dinh dưỡng cho trẻ nhỏ và tiêm chủng cho trẻ.

2.4. Tư vấn về vấn đề bạo hành

- Khái niệm về các hình thức bạo hành.
- Các yếu tố nguy cơ của bạo hành.
- Các dấu hiệu giúp phát hiện bạo hành tình dục.
- Hậu quả của bạo hành.
- Hướng dẫn phòng tránh đối với những trường hợp bị bạo hành, dự phòng và giảm thiểu hậu quả của bạo hành.
- Giới thiệu địa chỉ liên hệ cơ quan, tổ chức khi cần hỗ trợ.

2.5. Tư vấn về một số bệnh di truyền thường gặp và phòng ngừa khuyết tật bẩm sinh, sơ sinh

- Một số bệnh di truyền thường gặp, bệnh di truyền liên quan tới bất thường gen: bệnh tan máu bẩm sinh (bệnh thalassemia), tăng sản thượng thận bẩm sinh, thiếu men G6PD, suy giáp trạng bẩm sinh, phenylketon niệu, rối loạn chuyển hóa galactose, vàng da ứ mật do thiếu men citrin, rối loạn phát triển giới tính ở nam do thiếu men 5-alpha reductase, bệnh Pompe (rối loạn dự trữ glycogen nhóm 2, bệnh Wilson (rối loạn chuyển hóa đồng), bệnh xơ nang, bệnh rối loạn yếu tố đông máu (hemophilia A, hemophilia B), bệnh Fabry (rối loạn dự trữ mỡ, có tính chất di truyền), bệnh teo cơ tủy, loạn dưỡng cơ Duchenne...
- Hậu quả của kết hôn cận huyết.
- Cách phòng ngừa bệnh tật di truyền cho con và những nguy cơ bệnh lý cho thai phụ trong thời kỳ mang thai và sinh con.
- Cách phòng ngừa những bệnh lý mắc phải có nguy cơ cao gây bệnh lý bẩm sinh và khuyết tật cho thai nhi và/hoặc trẻ sau khi ra đời, những nguy cơ bệnh lý cho thai phụ trong thời kỳ mang thai và sinh con.
- Cách phòng tránh những tác động từ môi trường và lối sống có nguy cơ cao gây bệnh lý bẩm sinh và khuyết tật cho thai nhi và/hoặc trẻ sau khi ra đời, những nguy cơ bệnh lý cho thai phụ trong thời kỳ mang thai và sinh con.

Chương III

HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN VỀ KHÁM SỨC KHỎE TRƯỚC KHI KẾT HÔN

Điều 7. Nguyên tắc khám sức khỏe trước khi kết hôn

1. Các cơ sở y tế thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn phải đáp ứng các điều kiện khám sức khỏe và phải tự công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định hiện hành.
2. Việc tổ chức khám sức khỏe trước khi kết hôn thực hiện theo quy định ngoài ra có thể bổ sung thêm các dịch vụ khám chuyên khoa, hội chẩn chuyên

khoa, liên chuyên khoa và cận lâm sàng theo chỉ định của người hành nghề và được sự đồng ý của đối tượng hoặc người đại diện của đối tượng.

3. Việc tổ chức khám sức khỏe trước khi kết hôn phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở y tế; phù hợp với phạm vi hành nghề của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; phù hợp với tình trạng sức khỏe, nhu cầu của khách hàng và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Mẫu giấy khám sức khỏe trước khi kết hôn tại Phụ lục V chỉ dành để tham khảo (Mẫu số 01 mẫu giấy khám sức khỏe tổng thể dùng cho người trước khi kết hôn; Mẫu số 02 mẫu giấy khám chuyên khoa sức khỏe sinh sản cho người trước khi kết hôn; Mẫu số 03 mẫu giấy khám sức khỏe chuyên khoa di truyền trước khi kết hôn).

Điều 8. Nội dung khám sức khỏe trước khi kết hôn

1. Mục đích của khám sức khỏe trước khi kết hôn

1.1. Khám sức khỏe tổng thể nhằm phát hiện ra bệnh, tật có nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe của đối tượng và người bạn đời như bệnh viêm gan B, HIV, các bệnh lý liên quan tới tim mạch, thận tiết niệu, tiêu hóa, truyền nhiễm.

1.2. Khám sức khỏe sinh sản nhằm phát hiện những bất thường về cấu tạo giải phẫu, về chức năng hoạt động của cơ quan sinh dục; các bệnh viêm nhiễm, các bệnh NKLTQĐTD.

1.3. Khám sức khỏe di truyền nhằm phát hiện những yếu tố di truyền có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và nguy cơ sinh con bị bệnh tật di truyền, nâng cao chất lượng dân số, giảm gánh nặng tài chính cho gia đình và xã hội.

2. Nguyên tắc chung

2.1. Khám sức khỏe trước khi kết hôn thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân; nếu không khám đầy đủ các chuyên khoa thì khám bệnh, chữa bệnh khám sức khỏe chỉ khám, kết luận đối với từng chuyên khoa theo yêu cầu và không phân loại sức khỏe. Việc bổ sung khám chuyên khoa, cận lâm sàng chỉ thực hiện khi cần thiết theo chỉ định của người hành nghề và được sự đồng ý của đối tượng.

2.2. Các quy trình chuyên môn khám chuyên khoa: phụ khoa, sản khoa, nam khoa, xét nghiệm liên quan thực hiện theo các quyết định chuyên môn do Bộ Y tế ban hành.

3. Các nội dung khám sức khỏe trước khi kết hôn

- Khám sức khỏe tổng thể (Phụ lục I)
- Khám sức khỏe sinh sản (Phụ lục II)
- Khám sức khỏe di truyền (Phụ lục III)
- Hướng dẫn khám sàng lọc người mang gen bệnh thalassemia

Các bệnh di truyền có rất nhiều loại, tuy nhiên tại Việt Nam bệnh thalassemia là một bệnh phổ biến. Hướng dẫn này quy định chi tiết về khám và sàng lọc người mang gen thalassemia (Phụ lục IV).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

TƯ VẤN VÀ KHÁM SỨC KHỎE TRƯỚC KHI KẾT HÔN

Điều 9. Trách nhiệm các cơ quan quản lý tại trung ương

1. Cơ quan quản lý

1.1. Cục Dân số

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các hoạt động tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

- Phối hợp với Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Cục Bà mẹ và Trẻ em kiểm tra, giám sát việc thực hiện hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

1.2. Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

Phối hợp hướng dẫn và kiểm tra các cơ sở y tế thực hiện đúng quy trình khám sức khỏe theo quy định; kiểm tra điều kiện hành nghề của cơ sở và cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

1.3. Cục Bà mẹ và Trẻ em

Phối hợp xây dựng và thẩm định nội dung tài liệu chuyên môn kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em liên quan đến tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

2. Cơ quan thực hiện

- Các bệnh viện chuyên khoa và các cơ sở y tế được Bộ Y tế cho phép thực hiện chương trình tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn trong phạm vi, địa bàn được phân công.

- Các đơn vị tuyến trung ương này có nhiệm vụ:

- + Chịu trách nhiệm chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn;
- + Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn cho tuyến tỉnh;
- + Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn;
- + Tổ chức và thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động, giáo dục về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn trong phạm vi được phân công;
- + Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho tuyến dưới;

Điều 10. Trách nhiệm các cơ quan quản lý tại địa phương

1. Tại Tỉnh

1.1. Cơ quan quản lý

Sở Y tế hướng dẫn, giám sát, kiểm tra hoạt động tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh).

1.2. Cơ quan thực hiện

Cơ quan quản lý nhà nước về dân số, các bệnh viện, các cơ sở y tế và các đơn vị cung cấp dịch vụ có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Y tế.

1.3. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về dân số tại tỉnh

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động, giáo dục về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn trong phạm vi tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về tuyên truyền, vận động, giáo dục về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn cho công chức, viên chức dân số, cộng tác viên và người làm công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về hoạt động của các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Tại xã

2.1. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về dân số tại xã

- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động, giáo dục về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

- Tư vấn cho các khách hàng VTN/TN; nam, nữ trước khi kết hôn đến các cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn theo quy định.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho đội ngũ viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý và cho đội ngũ nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số và các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2.2. Nhiệm vụ của cộng tác viên Dân số - Y tế

- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, vận động tại cộng đồng về lợi ích tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; chú trọng truyền thông trực tiếp cho nam, nữ trước khi kết hôn và vận động họ đến các cơ sở y tế để được tư vấn và khám sức khỏe.

- Theo dõi việc duy trì thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn của nam, nữ trước khi kết hôn tại địa bàn quản lý.

- Thực hiện thu thập số liệu, lập báo cáo về thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo quy định hiện hành.

3. Nhiệm vụ của cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, kỹ thuật về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn cho các cơ sở cung cấp dịch vụ.

- Thực hiện tư vấn và khám sức khỏe cho các khách hàng quy định tại khoản 2, Điều 2 của Hướng dẫn này.

- Thực hiện các xét nghiệm cận lâm sàng theo hướng dẫn phục vụ cho sàng lọc.

- Quản lý, theo dõi các trường hợp có nghi ngờ mắc bệnh lý di truyền theo kết luận (*chỉ định*) của bác sĩ chuyên khoa.

- Thực hiện tư vấn, chuyển tuyến đối với các trường hợp nghi ngờ bệnh vượt quá khả năng chuyên môn.

- Giám sát việc triển khai thực hiện đối với tuyến dưới.

4. Nhiệm vụ của cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu

- Thực hiện một số test nhanh như viêm gan B, HIV và bệnh giang mai,...vv cho đối tượng VTN/TN; Thực hiện lấy mẫu máu để thực hiện xét nghiệm sàng lọc phát hiện người có nguy cơ cao mang gen bệnh tan máu bẩm sinh thalassemia và bảo quản, chuyển mẫu theo đúng quy định lên tuyến trên.

- Quản lý các trường hợp có nghi ngờ mắc bệnh lý di truyền theo kết luận (*chỉ định*) của bác sĩ chuyên khoa.

Phụ lục I
KHÁM SỨC KHỎE TỔNG THỂ
CHO NAM, NỮ TRƯỚC KHI KẾT HÔN

1. Khám thể lực: đo chiều cao, cân nặng, chỉ số BMI, mạch và huyết áp.
2. Khám bộ phận
 - 2.1. Đối với nữ giới
 - Khám phát hiện các dấu hiệu cơ năng: hỏi tiền sử về các bệnh nội khoa, ngoại khoa; đặc biệt tiền sử về sản khoa, phụ khoa.
 - Khám các bộ phận: tim mạch, hô hấp, cơ xương khớp, da liễu... nhằm phát hiện các bệnh lý thông thường.
 - Khám vú, khám bộ phận sinh dục ngoài: lông mu, âm hộ, môi lớn, môi bé, màng trinh, tính chất dịch âm đạo.
 - Thăm khám âm đạo (bao gồm cả lấy dịch âm đạo để xét nghiệm) chỉ thực hiện khi có yêu cầu chẩn đoán xác định và phải được sự đồng ý của khách hàng. Nếu khách hàng không đồng ý, cần giải thích lý do và gợi ý có thể thay bằng thăm khám phụ khoa qua hậu môn, trực tràng.
 - Thăm khám phụ khoa: bằng cách đặt mỏ vịt để kiểm tra âm đạo, cổ tử cung, tử cung, phần phụ (chỉ áp dụng với khách hàng đã quan hệ tình dục).
 - 2.2. Đối với nam giới
 - Khám phát hiện các dấu hiệu cơ năng: hỏi tiền sử về các bệnh nội khoa, ngoại khoa; đặc biệt tiền sử về chấn thương, viêm tinh hoàn, bệnh NKLTQĐTD, sự xuất tinh, sự cương cứng của dương vật.
 - Khám các bộ phận: tim mạch, hô hấp, cơ xương khớp, da liễu... nhằm phát hiện các bệnh lý thông thường.
 - Khám bộ phận sinh dục (bao gồm cả lấy dịch niệu đạo để xét nghiệm): tinh hoàn, dương vật, lông mu và thăm khám trực tràng khi cần thiết.
3. Các xét nghiệm cận lâm sàng
 - Chụp X quang tim, phổi (tư thế thẳng hoặc nghiêng).
 - Siêu âm ổ bụng.
 - Xét nghiệm máu: tổng phân tích tế bào máu ngoại vi, đường máu, men gan GOT (Glutamic Oxaloacetic Transaminase), GPT (Glutamate Pyruvate Transaminase), GGT (Gamma Glutamyl transferase), chức năng thận (ure, creatinin).
 - Xét nghiệm nước tiểu: tổng phân tích nước tiểu (các chỉ số về đường niệu, protein niệu, tế bào niệu).
 - Các xét nghiệm nhanh: test nhanh HIV, viêm gan B, giang mai,...vv.

- Soi tươi dịch âm đạo và dịch niệu đạo (nữ), xét nghiệm tinh dịch đồ (nam).

Căn cứ vào kết quả khám lâm sàng và cận lâm sàng, bác sĩ trực tiếp khám ký giấy chứng nhận sức khỏe, sổ khám sức khỏe và kết luận thực trạng sức khỏe của nam, nữ trước khi kết hôn.

Trường hợp nghi ngờ, hoặc có kết quả khám bất thường, hoặc nguy cơ cao thì bác sĩ sẽ hướng dẫn tiếp tục khám chuyên khoa sâu để xác định bệnh và hướng dẫn điều trị.

Phụ lục II
KHÁM SỨC KHỎE SINH SẢN
CHO NAM, NỮ TRƯỚC KHI KẾT HÔN

Trường hợp nghi ngờ, hoặc có kết quả khám bất thường, hoặc nguy cơ cao mắc các bệnh lý sản phụ khoa, nam khoa thì bác sĩ sẽ hướng dẫn tiếp tục khám chuyên khoa sâu để xác định bệnh và hướng dẫn điều trị.

1. Đối với nữ giới

- Siêu âm tử cung, phần phụ, siêu âm vú.
- Xét nghiệm định tính và định lượng chlamydia (IgM, IgG), rubella (IgM, IgG).
- Xét nghiệm dự trữ chức năng buồng trứng (AMH), estrogen, testosterone, prolactin, một số hormon nội tiết khác.

2. Đối với nam giới

- Siêu âm tinh hoàn.
- Xét nghiệm tinh dịch đồ.
- Xét nghiệm một số hormon nội tiết tố.

Phụ lục III

KHÁM SỨC KHỎE DI TRUYỀN CHO NAM, NỮ TRƯỚC KHI KẾT HÔN

1. Hỏi tiền sử khách hàng

- Hỏi tiền sử tiếp xúc hoặc sống trong môi trường có những yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe và dễ gây bất thường bẩm sinh.

- Hỏi tiền sử bệnh tật của khách hàng, gia đình. Bản thân hay trong gia đình, họ hàng có ai bị mắc bệnh, tật bẩm sinh hoặc di truyền dưới đây không:

+ Bệnh di truyền liên quan tới bất thường nhiễm sắc thể: hội chứng Down, hội chứng Edwards, hội chứng Patau...

+ Bệnh di truyền liên quan tới bất thường gen: bệnh tan máu bẩm sinh (bệnh thalassemia), tăng sản thượng thận bẩm sinh, thiếu men G6PD, suy giáp trạng bẩm sinh, phenylketon niệu, rối loạn chuyển hóa galactose, vàng da ú mật do thiếu men citrin, rối loạn phát triển giới tính ở nam do thiếu men 5-alpha reductase, bệnh Pompe (rối loạn dự trữ glycogen nhóm 2, bệnh Wilson (rối loạn chuyển hóa đồng), bệnh xơ nang, bệnh rối loạn yếu tố đông máu (hemophilia A, hemophilia B), bệnh Fabry (rối loạn dự trữ mỡ, có tính chất di truyền), bệnh teo cơ tủy, loạn dưỡng cơ Duchenne...

+ Một số bệnh lý khác như: chậm phát triển tâm thần, tim mạch, thần kinh, huyết học, cơ xương khớp...

- Hỏi tiền sử một số bệnh thường gặp của bố mẹ có ảnh hưởng đến bào thai như:

+ Một số bệnh lý mạn tính: tim mạch, huyết học, tiêu hóa, nội tiết...

+ Một số bệnh nhiễm trùng: lao, sốt rét, giang mai, sởi, cúm, quai bị, coxsackie, echo, HIV...

2. Lập sơ đồ gia hệ trong vòng ba đời của người được tư vấn

3. Khám lâm sàng và xét nghiệm phát hiện các triệu chứng liên quan bệnh, tật di truyền

- Khám lâm sàng bao gồm khám thể lực và khám bộ phận.

- Xét nghiệm nhiễm sắc thể cho nam, nữ trước khi kết hôn.

- Xét nghiệm di truyền chuyên sâu: xét nghiệm sàng lọc một số bệnh di truyền thường gặp. Nếu người được tư vấn hoặc trong gia đình của họ có tiền sử mắc bệnh tật di truyền thì tư vấn và chỉ định làm các xét nghiệm di truyền chuyên sâu để chẩn đoán bệnh, đồng thời làm cơ sở để phòng ngừa việc xuất hiện tiếp những người bị bệnh di truyền tương tự trong gia đình.

- Thực hiện các quy định về tư vấn trước, trong và sau xét nghiệm di truyền.

Phụ lục IV
HƯỚNG DẪN SÀNG LỌC
NGƯỜI MANG GEN BỆNH THALASSEMIA

Việc sàng lọc, chẩn đoán bệnh người mang gen tan máu bẩm sinh thalassemia được thực hiện càng sớm càng tốt, nhằm phát hiện người lành mang gen bệnh.

- Đối tượng: Nam, nữ trước khi kết hôn, các cặp vợ chồng trước khi mang thai. Đặc biệt đối tượng có nguy cơ cao là người có tiền sử trong gia đình có người bị bệnh, mang gen bệnh.

- Quy trình thực hiện sàng lọc, chẩn đoán

Người được tư vấn nên được sàng lọc, chẩn đoán theo trình tự sau:

+ Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi

Ngưỡng nguy cơ sẽ do cơ sở y tế thực hiện sàng lọc lựa chọn dựa trên điều kiện kỹ thuật, loại sinh phẩm, trang thiết bị, bằng chứng khoa học, ngưỡng sàng lọc của MCV là 85 fl và MCH là 28 pg (theo khuyến cáo của Viện huyết học - Truyền máu Trung ương).

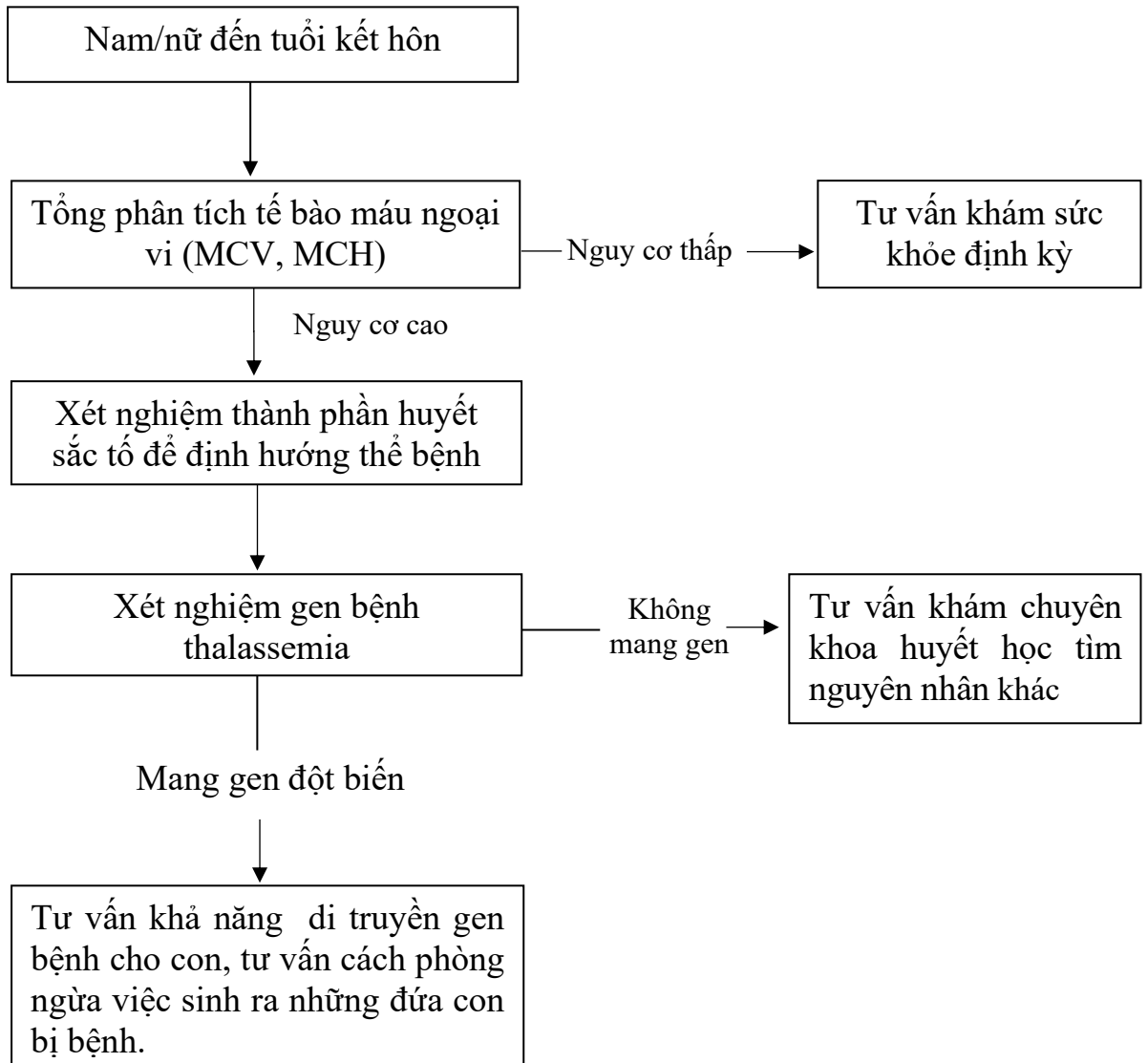
+ Nếu kết quả xét nghiệm là nguy cơ thấp: tư vấn khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

+ Nếu kết quả xét nghiệm là nguy cơ cao: xét nghiệm xác định thành phần huyết sắc tố để định hướng thể bệnh và xét nghiệm xác định đột biến gen bệnh thalassemia.

* Nếu kết quả xét nghiệm gen bình thường => thì tư vấn khám chuyên khoa huyết học tìm nguyên nhân khác.

* Nếu kết quả xét nghiệm xác định có gen đột biến => thì tư vấn khả năng di truyền gen bệnh cho con, tư vấn cách phòng ngừa việc sinh ra những đứa con bị bệnh.

**SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN SÀNG LỌC
NGƯỜI MANG GEN BỆNH THALASSEMIA**



Phụ lục V**Mẫu số 01**

**MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE TỔNG THỂ DÙNG CHO NGƯỜI
TRƯỚC KHI KẾT HÔN
(TỪ ĐỦ 17 TUỔI TRỞ LÊN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GKSK-.....

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE TỔNG THỂ TRƯỚC KHI KẾT HÔN

Ảnh (4 x 6 cm) (đóng dấu giáp lai hoặc scan ảnh)
--

1. Họ và tên (*viết chữ in hoa*):

.....

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi:)

4. Số CCCD/Hộ chiếu/định danh CD:

5. Cấp ngày...../...../..... Tại.....

6. Chỗ ở hiện tại.....

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng khám sức khỏe có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần hành chính nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE TRƯỚC KHI KẾT HÔN

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình anh (chị) mắc một trong các bệnh: dị tật bẩm sinh, bệnh di truyền, rối loạn tâm thần (*Hội chứng Down, dị tật tim bẩm sinh, sốt môi, hở hàm ếch, dị tật ống thần kinh, bệnh tan máu bẩm sinh, thiếu men G6PD, suy giáp bẩm sinh...*) hoặc bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh

.....

.....

2. Tiền sử bản thân:

a) Anh (chị) đã/đang mắc một trong các bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

- Bệnh bẩm sinh, bệnh di truyền, rối loạn tâm thần (*hội chứng Down, dị tật tim bẩm sinh, sốt môi, hở hàm ếch, dị tật ống thần kinh, bệnh tan máu bẩm sinh, thiếu men G6PD, suy giáp bẩm sinh...*) hoặc bệnh khác.

a) Không ☐ b) Có ☐; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh

.....

.....

- Bệnh lây truyền qua đường tình dục (*sùi mào gà (nhiễm HPV), bệnh lậu, giang mai, nhiễm khuẩn do Chlamydia, mụn rộp sinh dục (Herpes sinh dục), HIV/AIDS....*) hoặc bệnh khác:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể tên bệnh

.....

b) Tiêm chủng:

Anh (chị) đã tiêm vắc xin phòng bệnh nào: Sởi, quai bị, rubella, thủy đậu, rota, viêm gan A, viêm gan B, HPV, bệnh zona, cúm và loại khác:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể loại vắc xin đã tiêm và tuổi khi tiêm, thời gian tiêm

.....

c) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không?

Không ☐ Có ☐

Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng.....năm.....

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao:cm; Cân nặng: kg; Chỉ số BMI:

- Mạch:lần/phút; Huyết áp:/..... mmHg

II. KHÁM LÂM SÀNG CHUNG

Nội dung khám			Họ tên, chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1 a)	Nội khoa		
	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		

c)	<i>Tiêu hóa</i>		
	Phân loại		
d)	<i>Thận-tiết niệu-sinh dục (nam và nữ)</i>		
	Phân loại		
đ)	<i>Nội tiết</i>		
	Phân loại		
e)	<i>Cơ - xương - khớp</i>		
	Phân loại		
g)	<i>Thần kinh</i>		
	Phân loại		
h)	<i>Tâm thần</i>		
	Phân loại		
Ngoại khoa, Đa liễu: - <i>Ngoại khoa:</i> 2 <i>Phân loại:</i> - <i>Da liễu:</i> Phân loại:			
3. Mắt:			
<i>Kết quả khám thị lực:</i> Không kính: Mắt phải Mắt trái..... Có kính: Mắt phải..... Mắt trái..... <i>Các bệnh về mắt (nếu có):</i> Phân loại:			
4. Tai - Mũi - Họng			
<i>Kết quả khám thính lực:</i> Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m <i>Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):</i> Phân loại:			
5. Răng - Hàm - Mặt			
<i>Kết quả khám:</i> Hàm trên.....			

Hàm dưới.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: đường máu: Urê: Creatinin: ASAT (GOT): ALAT (GPT): GGT:	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Tế bào:	
3. Chẩn đoán hình ảnh a) X quang tim phổi (thẳng hoặc nghiêng): b) Siêu âm ổ bụng c) Điện tâm đồ	
4. Xét nghiệm nhanh (test riêng từng loại hoặc kit test chung) a) Test nhanh HIV b) Test nhanh viêm gan B c) Test nhanh giang mai	
5. Xét nghiệm dịch đường sinh dục a) Soi tươi dịch âm đạo và dịch niệu đạo (với nữ) (áp dụng cho	

cơ sở y tế đủ điều kiện):

.....

b) Xét nghiệm tinh dịch đồ (áp dụng cho cơ sở y tế đủ điều kiện):

.....

IV. KẾT LUẬN

1. Kết luận tình trạng sức khỏe trước khi kết hôn:

.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):

.....

3. Hướng dẫn/chỉ dẫn khám chuyên khoa (nếu cần thiết):

.....

.....

.....ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02**MẪU GIẤY KHÁM CHUYÊN KHOA SỨC KHỎE SINH SẢN
CHO NGƯỜI TRƯỚC KHI KẾT HÔN**

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GKSK-.....

**GIẤY KHÁM CHUYÊN KHOA SỨC KHỎE SINH SẢN
TRƯỚC KHI KẾT HÔN**

Ảnh
(4 x 6 cm)
(đóng dấu
giáp lai hoặc
scan ảnh)

1. Họ và tên (*viết chữ in hoa*):

.....

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

3. Sinh ngày tháng năm (Tuổi:)

4. Số CCCD/Hộ chiếu/định danh CD:

5. Cấp ngày...../...../..... Tại.....

6. Chỗ ở hiện tại:

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng khám sức khỏe có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần hành chính nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Lý do khám sức khỏe:

I. TIỀN SỬ SẢN PHỤ KHOA VÀ NAM KHOA**1. Với nữ giới**

a) Chị đã thấy biểu bất thường hoặc đã điều trị về các bệnh lý liên quan: kinh nguyệt, khối u hoặc chảy dịch bất thường ở vú, bất thường ở âm hộ, âm đạo, viêm nhiễm phụ khoa, bệnh lây truyền qua đường tình dục (sùi mào gà - nhiễm HPV), bệnh lậu, giang mai, nhiễm khuẩn do Chlamydia, mụn rộp sinh dục - Herpes sinh dục), HIV/AIDS....), thai nghén/nạo phá thai, chấn thương ở bộ phận sinh dục, vấn đề bất thường khác:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể bất thường

.....

b) Chị đã/đang sử dụng biện pháp tránh thai nào:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể phương pháp đã sử dụng và thời gian sử dụng

.....

2. Với nam giới

a) Anh đã thấy biểu bất thường hoặc đã điều trị về các bệnh lý liên quan:

- Rối loạn chức năng tình dục và các bệnh lý về dương vật (rối loạn cương dương, xuất tinh, giãn tĩnh mạch thừng tinh, hẹp bao quy đầu, cong vẹo bất thường dương vật, viêm

niệu đạo, viêm mào tinh và tinh hoàn, viêm bao quy đầu, lệch lỗ niệu đạo, ...), bệnh lây truyền qua đường tình dục (sùi mào gà (nhiễm HPV), bệnh lậu (Gonorrhea), giang mai (Syphilis), nhiễm khuẩn do Chlamydia, mụn rộp sinh dục (Herpes sinh dục), HIV/AIDS....), chấn thương ở bộ phận sinh dục, vấn đề bất thường khác:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể bất thường

.....

b) Anh đã/đang sử dụng biện pháp tránh thai nào:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể phương pháp đã sử dụng và thời gian sử dụng

.....

II. KHÁM CHUYÊN KHOA

TT	Nội dung khám	Kết quả	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
I	Khám phụ khoa		
1	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn		
2	Khám bộ phận sinh dục ngoài		
3	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường (<i>chỉ thực hiện với khách hàng đã quan hệ tình dục và khách hàng đồng ý sau khi được nhân viên y tế tư vấn</i>)		
4	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay)		
5	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay) (<i>chỉ thực hiện nếu không tiếp cận được bằng đường âm đạo hoặc cần đánh giá thêm bằng khám trực tràng; chỉ thực hiện nếu khách hàng đồng ý sau khi được nhân viên y tế tư vấn</i>)		
6	Siêu âm tử cung		
7	Siêu âm phần phụ		
8	Siêu âm vú		
II	Khám nam khoa		
1	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn		
2	Khám bộ phận sinh dục ngoài		
3	Khám trực tràng		
4	Siêu âm tinh hoàn		

III. XÉT NGHIỆM

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
1. Đối với nữ giới: a) Xét nghiệm Chlamidia: Thành phần (IgM, IgG):..... Định lượng: b) Xét nghiệm Rubella: Thành phần (IgM, IgG): Định lượng: c) Xét nghiệm khác (liên quan đến khai thác tiền sử nếu cần)	
2. Đối với nam giới: a) Xét nghiệm tinh dịch đồ: b) Xét nghiệm hormone nội tiết nam: c) Xét nghiệm khác (liên quan đến khai thác tiền sử nếu cần)	

IV. KẾT LUẬN**1. Kết luận tình trạng sức khỏe sinh sản trước khi kết hôn:**

.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):

.....

3. Hướng dẫn/chỉ dẫn khám chuyên khoa di truyền (nếu cần thiết):

.....

.....

.....ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KẾT LUẬN*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 03**MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHUYÊN KHOA DI TRUYỀN
TRƯỚC KHI KẾT HÔN**

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GKSK-.....

**GIẤY KHÁM SỨC KHỎE CHUYÊN KHOA DI TRUYỀN
TRƯỚC KHI KẾT HÔN**

Ảnh
 (4 x 6 cm)
 (đóng dấu
 giáp lai hoặc
 scan ảnh)

1. Họ và tên (viết chữ in hoa):

.....

2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

3. Sinh ngày tháng năm (Tuổi:)

4. Số CCCD/Hộ chiếu/định danh CD:

5. Cấp ngày...../...../..... Tại.....

6. Chỗ ở hiện tại:

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng khám sức khỏe có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần hành chính nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.

7. Lý do khám sức khỏe:

I. TIỀN SỬ BỆNH TẬT DI TRUYỀN**1. Tiền sử gia đình**

a) Có ai trong gia đình anh (chị) mắc các dị tật bẩm sinh không:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh, dị tật:

.....

b) Có ai trong gia đình anh (chị) mắc các bệnh lý về sức khỏe tâm thần như: chậm phát triển tâm thần, tự kỷ, trầm cảm...:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

c) Có ai trong gia đình anh (chị) chết chu sinh, tử vong sớm, đột tử chưa rõ nguyên nhân

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

d) Có ai trong gia đình anh (chị) mắc các bệnh di truyền khác như hội chứng Down, hội chứng Edwards, hội chứng Patau, bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia), thiếu men

G6PD, suy giáp trạng bẩm sinh, teo cơ tủy, loạn dưỡng cơ Duchenne/Becker, bệnh rối loạn chuyển hóa,...:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân

a) Anh (chị) có tiếp xúc hoặc sống trong môi trường có những yếu tố (như tia phóng xạ, hóa chất độc hại,...) ảnh hưởng tới sức khỏe và dễ gây bất thường bẩm sinh không?

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể yếu tố đó:

b) Anh (chị) đã/đang mắc hoặc đã điều trị một trong các bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: khuyết tật bẩm sinh, các bệnh tâm thần, bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia), bệnh rối loạn chuyển hóa, rối loạn yếu tố đông máu, bệnh teo cơ tủy, loạn dưỡng cơ Duchenne, bệnh di truyền khác:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể tên bệnh

.....

.....

c) Hiện tại có đang điều trị bệnh lý mạn tính, bệnh lý nhiễm trùng gì không?

Không ☐ Có ☐

Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

Với nữ giới

a) Chị đã thấy biểu bất thường nào liên quan: kinh nguyệt sớm, ít kinh, không có kinh, rong kinh, bất thường bộ phận sinh dục ngoài, bất thường khác:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể bất thường

.....

.....

b) Chị có tiền sử liên quan tới: sảy thai, thai chết lưu, hoặc mang thai bất thường, hoặc đình chỉ thai nghén do bất thường:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có” ghi cụ thể số lần và cụ thể bất thường

.....

.....

Với nam giới

Anh có biểu bất thường nào liên quan: xuất tinh bất thường, lỗ tiểu lệch thấp, bất thường bộ phận sinh dục, tinh hoàn ẩn, vấn đề bất thường khác:

Không ☐ Có ☐

Nếu “có”: ghi cụ thể bất thường

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng.....năm.....

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

II. KHÁM LÂM SÀNG

TT	Nội dung khám	Kết quả	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
I	Khám lâm sàng di truyền chung		
1	Khám phát hiện một số đặc điểm hình thể đặc biệt như: khuôn mặt, ngoại hình, dáng đi...		
2	Khám nếp vân da		
3	Khám hệ cơ quan: khám các hệ cơ quan có liên quan tới tiền sử bệnh tật di truyền trong gia đình		
II	Với nữ giới		
1	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn		
2	Khám bộ phận sinh dục ngoài		
3	Siêu âm tử cung		
4	Siêu âm phần phụ		
5	Siêu âm vú		
III	Với nam giới		
1	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn		
2	Khám bộ phận sinh dục ngoài		

III. PHẢ HỆ GIA ĐÌNH



IV. XÉT NGHIỆM DI TRUYỀN

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
1. Xét nghiệm chung a, Xét nghiệm máu: Công thức máu: Huyết sắc tố: - Sinh hóa máu: Sắt huyết thanh: Ferritine: - Nhóm máu: (ABO/Rh): b, Xét nghiệm nhiễm sắc thể (áp dụng cho cơ sở y tế đủ điều kiện): Kết quả Karyotype: c, Xét nghiệm sàng lọc các bệnh di truyền gen lặn (áp dụng cho cơ sở y tế đủ điều kiện):	
2. Xét nghiệm cho nữ giới: a) Xét nghiệm đánh giá khả năng dự trữ buồng trứng AMH: Định lượng: b) Xét nghiệm Hormone: Định lượng: c) Xét nghiệm gen gây suy buồng trứng sớm (nếu có biểu hiện suy buồng trứng sớm) (áp dụng cho cơ sở y tế đủ điều kiện):	

.....	
3. Xét nghiệm cho nam giới: a) Xét nghiệm tinh dịch đồ b) Xét nghiệm đứt gãy DNA tinh trùng (áp dụng cho cơ sở cơ sở y tế đủ điều kiện): c) Xét nghiệm mất đoạn AZF trên nhiễm sắc thể Y, bất sản ống dẫn tinh (CFTR) (Khi xét nghiệm tinh dịch đồ có kết quả thiếu tinh năng hoặc vô tinh) (áp dụng cho cơ sở y tế đủ điều kiện):	
4. Xét nghiệm gen liên quan đến các bệnh di truyền nếu trong tiền sử bản thân, gia đình có các câu trả lời “có” (áp dụng cho cơ sở y tế đủ điều kiện):	

V. KẾT LUẬN

1. Kết luận tình trạng sức khỏe di truyền trước khi kết hôn:

.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):

.....

3. Hướng dẫn/chỉ dẫn khám chuyên khoa khác (nếu cần thiết):

.....

.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)